

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2020/DS-PT
Ngày 30-9-2020
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Trung Dũng
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Đào Minh Đa Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 17, 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Số A, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966, nơi cư trú: Số B (số cũ C) khu phố A, phường T, Quận D, Thành phố H; chỗ ở: Số T, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974, nơi cư trú: Số T, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Anh Đ, sinh năm 1973 – Luật sư của Công ty Luật TNHH Đ và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1962, nơi cư trú: Số V, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Bà Nguyễn Thị Thanh U, sinh năm 1980; địa chỉ: Số X, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2020).

2. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1954; nơi cư trú: O, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Số A, đường C, tổ N, khu phố D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư T; địa chỉ: Số B, phường D, Quận G, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2020).

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư T: Ông Vũ Quang C, sinh năm 1995 hoặc bà Nguyễn Thị Hải C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số P, phường D, Quận G, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 07/9/2020)

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955;

6. Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1978;

7. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982;

8. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1986.

Cùng nơi cư trú: Số A, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

9. Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bình Dương, trụ sở: Số A, đường C, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Cụ Nguyễn Thị D, sinh năm 1932, chết ngày 28/3/2014. Sinh thời cụ D có quyền sử dụng đất với diện tích 8.595,9m² thuộc các thửa 153, 168, 216 tờ bản đồ 25, tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị D.

Ngày 09/7/2009, cụ D đã tặng cho quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị N với diện tích đất 104,7m² tách thành thửa 271; cho Nguyễn Thị L diện tích đất 87,7m² tách thành thửa 272 và cho Nguyễn Thị T diện tích đất 87,7m² tách thành thửa 273. Phần đất còn lại diện tích 8.315,8m².

Ngày 07/10/2009, cụ D lập Tờ di chúc để lại toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 8.315,8m² cho 04 người con là Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T và Nguyễn Ngọc C. Bản di chúc đã được Phòng Công chứng số A, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009. Tuy nhiên bản di chúc không ghi rõ từng người con được hưởng diện tích đất cụ thể mà chỉ ghi nhận thừa kế chung toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất nói trên khi bà D qua đời. Ngày 28/3/2014, bà D qua đời.

Về quan hệ huyết thống của bà Nguyễn Thị D như sau:

- Cụ D có chồng là Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1925, chết ngày 01/10/1990.

- Cụ Diêu có cha là Nguyễn Văn T, sinh năm 1900, chết năm 1970 (không có giấy chứng tử); mẹ cụ D là Nguyễn Thị T, sinh năm 1908, chết năm 1949 (không có giấy chứng tử).

- Cụ Nguyễn Thị D và cụ Nguyễn Ngọc B có 10 người con, cụ thể như sau:

- + Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1952, chết ngày 10/12/2015. Ông D có vợ là Nguyễn Thị T và 03 người con là Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thị Ngọc D.

- + Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1954.

- + Nguyễn Thị T, sinh năm 1956.

- + Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1959.

- + Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1962.

- + Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1964, chết ngày 17/3/2007. Ông L không có vợ, con.

- + Nguyễn Thị N, sinh năm 1966.

- + Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969, chết ngày 12/01/2004. Ông T không có vợ, con.

- + Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

- + Nguyễn Thị L, sinh năm 1974.

Sau khi cụ D qua đời, anh chị em trong gia đình vẫn sống thuận thảo với nhau được một thời gian thì bà N, bà L gây sự, không cho bà T sinh sống trong căn nhà mà cụ D để lại và bà T đã sinh sống cùng cha mẹ từ khi sinh ra đến khi mẹ qua đời. Ý đồ của bà N, bà L là chiếm toàn bộ nhà, đất do cụ D để lại cho bốn anh chị em như bản di chúc.

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị D để lại là quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 8.322m² thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Tờ di chúc đã được Phòng Công chứng số A, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009. Bà T đồng ý trừ đường nội bộ diện tích đất 159,4m² theo sơ đồ bản vẽ đã được cơ quan chuyên môn đo vẽ để làm lối đi chung cho các thửa 261, 262, 263, 264, 265, 266. Diện tích đất còn lại là 8.162,6m², bà T yêu cầu được chia $\frac{1}{4}$ với diện tích cụ thể là 2.040,6m², trong đó có 51m² đất thổ cư, vị trí yêu cầu chia là phần phía Đông thửa đất, phía Nam giáp đường Đ, có chiều rộng 04m, do phần này ảnh hưởng tới căn nhà của cụ D chết để lại và nhà vệ sinh của bà N xây dựng trên đất nên bà T đồng ý bồi thường giá trị nhà cho các đồng thừa kế khác, bồi thường giá trị nhà vệ sinh cho bà N.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy khai tử cụ Nguyễn Thị D, Tờ di chúc đã được Phòng Công chứng số A, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009; giấy khai sinh Nguyễn Thị T; tờ tường trình quan hệ nhân thân của người để lại di sản; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 và các tài liệu khác có liên quan.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:* Bà N, bà L thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Thị D, về tài sản do cụ D để lại là quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 8.322m², trừ đường nội bộ 159,4m², thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được cụ D lập di chúc để lại cho bốn người con là Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T và Nguyễn Ngọc C theo Tờ di chúc đã được Phòng Công chứng số A, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009. Bà N, bà L đồng ý chia cho bà T $\frac{1}{4}$ diện tích đất do cụ D để lại (chia cả đất thổ cư), nhưng phải trừ đường nội bộ diện tích 159,4m², giáp các thửa 261, 262, 263, 264, 265, 266, diện tích đất còn lại là 8.162,6m², nên đồng ý chia cho bà T 2.040,6m², trong đó có 51m² đất thổ cư. Phần còn lại không yêu cầu chia mà để lại sử dụng chung cho ba người còn lại theo di chúc là ông C, bà N, bà L. Bà N, bà L đồng ý chia cho bà T phần đất tại vị trí phía Tây của thửa đất, phía Nam giáp đường Đ. Đối với tài sản trên đất là nhà của cụ D để lại thì không chia, mà giao cho bà N, bà L, ông C quản lý để làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa, bà N, bà L thống nhất giao cho bà N tạm quản lý phần nhà của cụ D.

Tài liệu chứng cứ mà bị đơn cung cấp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các tài liệu có liên quan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C trình bày:*
Thống nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Thị D, về tài sản do cụ D để lại. Ông C đề nghị Tòa án chia cho bà T 1/4 diện tích đất thực tế của cụ D để lại, vị trí đất chia cho bà T là phần đất giáp của bà T hiện tại, tức là cạnh phía Tây thửa đất. Phần quyền sử dụng đất còn lại và tài sản là nhà cụ D không yêu cầu chia mà để lại sử dụng chung cho ba người còn lại theo di chúc là ông C, bà N, bà L. Phần nhà cụ D dùng để làm nơi thờ cúng và giao cho bà N tạm thời quản lý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc T trình bày:*
Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị D sử dụng từ thời xa xưa, khi ông T và anh chị sinh ra, lớn lên thì cụ D đã sử dụng đất này trồng hoa màu nuôi các con khôn lớn. Khi cụ D già yếu thì cụ D đều cho anh, chị, em mỗi người một phần. Phần còn lại cụ D lập di chúc để lại cho bốn người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Nguyễn Ngọc C. Di chúc đã được công chứng hợp pháp nên ông T đề nghị Tòa án công nhận di chúc có hiệu lực. Về phần ông T, ông đã được cụ D cho đất riêng nên không có yêu cầu gì đối với phần đất đang tranh chấp. Đất cụ D đã để lại cho những người thừa kế thì họ được hưởng. Ý nguyện của ông T là anh chị em thuận thảo với nhau chứ không nên căng thẳng, tranh chấp. Mặt khác, trước đây cụ D đã cho 6 người con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T và Nguyễn Ngọc T mỗi người một phần đất diện tích khoảng 200m², hiện nay đều đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng nhưng chưa có đường đi nên ông T đề nghị những người thừa kế chừa ra một phần đất giáp các thửa đất này để làm đường đi nội bộ chung, nguyện vọng của ông T là mở lối đi rộng khoảng 04m từ các thửa đất này ra đường Đ. Đối với yêu cầu nguyên đơn thì ông T cho rằng chia cho bà T phần đất có vị trí phần phía Đông thửa đất, phía Nam giáp đường Đ, có chiều rộng 04m, tức là cắt ngang phần nhà hình L. Phần đất có nhà chính của cụ D thì ông T không có yêu cầu chia riêng cho mình. Nếu bà N, ông C, bà L để chung thì cũng tùy, ông T không có ý kiến. Ông T không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Riêng phần nhà của cụ D thì ông T đồng ý chia cho bà T một phần tọa lạc trên phần đất bà T được chia, phần nhà còn lại thì đồng ý giao cho bà N quản lý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*
Thống nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Thị D và tài sản do cụ D chết để lại. Trước khi cụ D chết thì cụ D đã lập di chúc để lại quyền sử dụng đất cho bốn người con là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L. Nay bà T xác định ý kiến như sau: Đề nghị Tòa án công nhận di chúc là hợp pháp, riêng đối với phần nhà của cụ D chết để lại thì không yêu cầu chia mà đề nghị giữ nguyên để làm nơi thờ cúng. Còn việc chia quyền sử dụng đất thì đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật cho bốn người con theo di chúc là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L. Bà T đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về việc chừa lại phần đất chiều rộng 2,5m làm lối đi chung cho các thửa đất 261, 262, 263, 264,

265, 266 vì nguyện vọng của cụ D trước khi chết cũng thể hiện chỉ chừa đường có chiều rộng 2,5m. Bà T không yêu cầu gì riêng cho mình đối với quyền sử dụng đất mà cụ D chết để lại, bà T cũng không yêu cầu chia nhà của cụ D mà đề nghị giữ lại để làm nơi thờ cúng và giao cho bà N quản lý phần nhà này.

- *Tại đơn xin vắng mặt ngày 22/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C trình bày:* Phần đất tranh chấp là của mẹ ông C, cụ Nguyễn Thị D để lại. Trước khi chết cụ D đã lập di chúc để lại cho 04 người là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L. Ông C không có ý kiến gì về bản di chúc. Không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông C trình bày: Phần đất này là của mẹ để lại, nên đứng ra thì tất cả các người con đều được hưởng nhưng bà D đã lập di chúc để lại cho bà T, bà N, bà L và ông C nên ông C không có ý kiến. Riêng phần nhà thì chưa được định đoạt trong di chúc nên đề nghị giao phần nhà cho bà N tạm quản lý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc P thống nhất trình bày:* Bà T, bà D, ông H, ông P là vợ, con ông Nguyễn Ngọc D (chết ngày 10/12/2015). Khi ông D và cụ D còn sống, thì cụ D đã cho ông D quyền sử dụng đất diện tích khoảng 140m², hiện nay đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng nên bà T, bà D, ông H, ông P không có yêu cầu gì đối với phần tài sản đang tranh chấp. Trước đây, ông D, ông H, ông P, bà D có tên trong sổ hộ khẩu chung với cụ D nhưng không có quyền gì đối với phần đất đang tranh chấp. Phần đất tranh chấp là của cụ D nên cụ D lập di chúc để lại cho ai là quyền của bà. Bà T, bà D, ông H, ông P không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số A, tỉnh Bình Dương trình bày:* Tờ di chúc số 1482, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Phòng công chứng số A tỉnh Bình Dương công chứng ngày 07/10/2009. Cụ Nguyễn Thị D đã tự nguyện lập di chúc, đã đọc lại di chúc, đồng ý toàn bộ nội dung di chúc và ký tên vào bản di chúc có sự chứng kiến của Công chứng viên. Tại thời điểm công chứng cụ D hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện lập Tờ di chúc, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Đồng thời tại thời điểm công chứng cụ Nguyễn Thị D có Phiếu khám sức khỏe số 11483/GĐYK-SK để dùng vào việc lập di chúc do Trung tâm Giám định Y khoa pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương thực hiện ngày 17/9/2009 với kết luận “tinh thần minh mẫn đủ sức khỏe lập di chúc”. Tại thời điểm công chứng, Phòng Công chứng số 2 không nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền đề nghị ngăn chặn việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D, đồng thời có văn bản cam kết tài sản chung hộ gia đình đã được Phòng công chứng số A công chứng số 1458, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2009. Do đó, Phòng Công chứng số A tỉnh Bình Dương công chứng di chúc của cụ Nguyễn Thị D là đúng quy định của pháp luật.

Phòng Công chứng số A cung cấp cho Tòa án toàn bộ tài liệu liên quan đến việc công chứng Tờ di chúc số 1482, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Phòng công chứng số A tỉnh Bình Dương công chứng ngày 07/10/2009.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp thừa kế tài sản do cụ Nguyễn Thị D để lại.

Chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D để lại như sau:

Bà Nguyễn Thị R được chia quyền sử dụng đất diện tích 2.040,6m² (trong đó có 51m² đất ODT) thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D và tài sản gắn liền với đất là: Một phần Nhà chính (nhà 1) diện tích 9,7m²; một phần nhà phụ (nhà 2) diện tích 37,8m². Bà T phải bồi thường giá trị tài sản là nhà trên đất cho các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị D là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc C và chi ông Nguyễn Ngọc D (do bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc P đại diện) số tiền 101.478.000 đồng (một trăm lẻ một triệu bốn trăm bảy tám ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị T phải bồi thường giá trị căn nhà vệ sinh cho bà Nguyễn Thị N số tiền 18.585.000 đồng (mười tám triệu năm trăm tám lăm ngàn đồng). (Vị trí A, sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng chung phần đất diện tích 159,4m² để làm lối đi chung, đất thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D. (Vị trí B, sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Ngọc C được quyền sử dụng chung quyền sử dụng đất diện tích 6.122m² (trong đó có 153,3m² đất ODT) thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D. (Vị trí C, sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc H,

ông Nguyễn Ngọc P không yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị D là: Nhà chính (nhà 1) diện tích 118m², kết cấu nhà 01 tầng, khung bê tông cốt thép, tường gạch, có trần đồ sêno, nền gạch men, mái tôn; nhà phụ (nhà 2) diện tích 95,7m², kết cấu nhà 01 tầng, cột gạch, tường gạch, không có trần, nền gạch men, mái tôn; nhà sau (nhà 3) diện tích 27,8m², kết cấu nhà 01 tầng, cột gạch, tường gạch, không có trần, nền gạch men; nhà vệ sinh diện tích 08m², kết cấu nhà 01 tầng, cột gạch, tường xây gạch ốp gạch men, nền gạch men tọa lạc trên phần đất diện tích 6.122 m² thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng chung của ông C, bà N, bà L.

Phần diện tích nhà của bà D sau khi đã giao một phần cho bà T còn lại: Nhà chính (nhà 1) diện tích 108,3m²; nhà phụ (nhà 2) diện tích 57,9m²; nhà sau (nhà 3) diện tích 27,8m²; nhà vệ sinh diện tích 08m². Giao cho bà Nguyễn Thị N tạm thời quản lý các phần nhà này. Nếu các đương sự có tranh chấp thì giải quyết ở vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia tài sản là nền sân gạch, sân xi măng, giếng khoan dân dụng và cây trái như trầm mít, dừa, xoài ... trên đất.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D để cấp lại cho người sử dụng đất cho phù hợp với nội dung quyết định tại bản án này.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/6/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị D để lại đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị D. Khi còn sống, cụ D đã lập Tờ di chúc đã được Phòng công chứng số 2 tỉnh Bình Dương công chứng ngày 07/10/2009. Tuy nhiên, Tờ di chúc chỉ thể hiện việc cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc C phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 8.322m² nhưng không nêu rõ mỗi người được hưởng diện tích đất cụ thể bao nhiêu. Tuy nhiên, hiện trạng trên đất tranh chấp có căn nhà

thờ và các các đồng thừa kế không yêu cầu chia mà giao cho bà Nguyễn Thị N quản lý để làm nơi thờ cúng. Xét thấy, bản án sơ thẩm xét xử là không khách quan, chỉ giải quyết quyền lợi của nguyên đơn nhưng không đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế khác nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử công tâm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Các đương sự thống nhất với nhau về quan hệ huyết thống như bản án sơ thẩm. Theo Tờ di chúc do cụ Nguyễn Thị D lập đã được Phòng Công chứng số A tỉnh Bình Dương thì chỉ chia cho 04 người con nhưng không nêu rõ mỗi người được hưởng diện tích đất cụ thể bao nhiêu. Đồng thời, theo Tờ di chúc cũng không thể hiện việc chia căn nhà và các tài sản trên đất, các đương sự không có yêu cầu việc xác lập tờ di chúc có hợp pháp không mà chỉ yêu cầu công nhận di chúc nên Tờ di chúc có hiệu lực. Xét đơn khởi kiện ban đầu của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết chia căn nhà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật vì tài sản không yêu cầu giải quyết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xâm phạm làm ảnh hưởng đến quyền của các đương sự khác và nơi thờ tự của cụ Diệu nên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, cần để lại toàn bộ phần đất có nơi thờ tự rồi mới chia cho nguyên đơn vừa đảm bảo phong tục tập quán của địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án, chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà N, bà L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự; ý kiến Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc D đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Cụ Nguyễn Thị D, sinh năm 1932, chết ngày 28/3/2014. Khi sống cụ D có tạo lập được diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 8.322m² thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị D.

Ngày 07/10/2009, cụ D lập Tờ di chúc để lại toàn bộ quyền sử dụng đất với diện tích trên cho 04 người con là Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn

Thị T và Nguyễn Ngọc C đã được Phòng Công chứng số A tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T, bị đơn bà N, bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C đồng ý trừ đường nội bộ với diện tích đất 159,4m² để làm lối đi chung cho các thửa 261, 262, 263, 264, 265, 266. Riêng phần diện tích đất còn lại, bà T yêu cầu được chia $\frac{1}{4}$, trong đó có 51m² đất thổ cư, vị trí yêu cầu chia là phần phía Đông thửa đất, phía Nam giáp đường Đ, có chiều rộng 04m, do phần này ảnh hưởng tới căn nhà của cụ D chết để lại và nhà vệ sinh của bà N xây dựng trên đất nên bà T đồng ý bồi thường giá trị nhà cho các đồng thừa kế khác, bồi thường giá trị nhà vệ sinh cho bà N.

Bị đơn đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị T $\frac{1}{4}$ diện tích đất, trong đó có 51m² đất thổ cư nhưng chỉ đồng ý chia cho bà T là phần ở phía Tây khu đất, giáp nhà bà T hiện hữu.

[3] Xét ý kiến của hai bên đương sự, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ huyết thống: Các đương sự đều khai nhận thống nhất như sau: Cụ D có chồng là Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1925, chết ngày 01/10/1990. Cụ D có cha là Nguyễn Văn T, sinh năm 1900, chết năm 1970 (không có giấy chứng tử); mẹ cụ D là Nguyễn Thị T, sinh năm 1908, chết năm 1949 (không có giấy chứng tử).

- Quá trình chung sống, cụ Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Ngọc B có 10 người con, cụ thể:

+ Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1952, chết ngày 10/12/2015. Ông D có vợ là Nguyễn Thị T và 03 người con là Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thị Ngọc D.

+ Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1954.

+ Nguyễn Thị T, sinh năm 1956.

+ Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1959.

+ Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1962.

+ Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1964, chết ngày 17/3/2007. Ông L không có vợ, con.

+ Nguyễn Thị N, sinh năm 1966.

+ Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969, chết ngày 12/01/2004. Ông T không có vợ, con.

+ Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

+ Nguyễn Thị L, sinh năm 1974.

Vì vậy, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Căn cứ vào Đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2019 thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị T chỉ yêu cầu chia $\frac{1}{4}$ diện tích đất, trong đó có 51m² đất thổ cư, vị trí yêu cầu chia là phần phía Đông khu đất, phía Nam giáp đường Đ, có chiều rộng 04m theo Tờ di chúc mà cụ Nguyễn Thị D lập đã được Phòng Công chứng số A, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự đều xác định Tờ di chúc do cụ Nguyễn Thị D lập là hợp pháp và đề nghị công nhận di chúc có hiệu lực. Xét phần trình bày và yêu cầu của đương sự phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Phòng Công chứng số A tỉnh Bình Dương cung cấp nên có căn cứ xác định Tờ di chúc do cụ Nguyễn Thị D lập đã được Phòng Công chứng số A tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009 có hiệu lực pháp luật và những người có tên chỉ định trong di chúc sẽ được hưởng tài sản của cụ D để lại. Tuy nhiên, do Tờ di chúc không nêu rõ mỗi người được hưởng diện tích đất cụ thể bao nhiêu nên bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc C sẽ được hưởng diện tích đất ngang nhau.

Ngoài quyền sử dụng đất cụ D chết để lại thì cụ D còn có các tài sản khác gồm:

+ Nhà chính (nhà 1 - Theo sơ đồ bản vẽ trong Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 158-2020 ngày 06/3/2020) diện tích 118m², kết cấu nhà 01 tầng, khung bê tông cốt thép, tường gạch, có trần đổ sêno, nền gạch men, mái tôn.

+ Nhà phụ (nhà 2 - Theo sơ đồ bản vẽ trong Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 158-2020 ngày 06/3/2020) diện tích 95,7m², kết cấu nhà 01 tầng, cột gạch, tường gạch, không có trần, nền gạch men, mái tôn.

+ Nhà sau (nhà 3 - Theo sơ đồ bản vẽ trong Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 158-2020 ngày 06/3/2020) diện tích 27,8m², kết cấu nhà 01 tầng, cột gạch, tường gạch, không có trần, nền gạch men.

+ Nhà vệ sinh diện tích 07m², kết cấu nhà 01 tầng, cột gạch, tường xây gạch ốp gạch men, nền gạch men.

+ Một số tài sản khác như nền sân gạch, sân xi măng, giếng khoan dân dụng... và cây trái như trà mít, dừa, xoài...

Các tài sản này cũng chưa được định đoạt trong Tờ di chúc mà cụ Nguyễn Thị D lập đã được Phòng Công chứng số A, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009 nên khi cụ D chết thì các tài sản trên được chia cho các đồng thừa kế của bà D theo quy định của pháp luật.

[3.3] Cụ Nguyễn Thị D chết ngày 28/3/2014 thì những người còn sống thuộc hàng thừa kế thứ nhất tại thời điểm mở thừa kế, gồm: Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Ngọc D. Do ông D đã chết nên vợ và các con ông D được hưởng chi thừa kế ông D.

Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Ngọc C tự nguyện chừa lại phần đất diện tích 159,4m² giáp các thửa 261, 262, 263, 264, 265, 266 để làm lối đi chung cho các thửa đất này. Xét thấy, lối đi chung có diện tích 159,4m² có chiều rộng 2,5m là lối đi nội bộ, giáp các thửa 261, 262, 263, 264, 265, 266 đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03851/TTLT ngày 12/5/2009 cho bà Nguyễn Thị L, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03854/TTLT ngày 12/5/2009 cho ông Nguyễn Ngọc C, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03856/TTLT ngày 12/5/2009 cho bà Nguyễn Thị T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03853/TTLT ngày 12/5/2009 cho bà Nguyễn Thị N, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03852/TTLT ngày 12/5/2009 cho bà Nguyễn Thị T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03855/TTLT ngày 12/5/2009 cho ông Nguyễn Ngọc T nhưng diện tích lối đi chung này không có lối đi ra đường Đ. Thế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là giải quyết không triệt để vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các chủ sở hữu các thửa đất trên về lối đi theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các chủ sở hữu các thửa đất trên không kháng cáo. Căn cứ quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì “Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể xem xét, giải quyết.

Đồng thời, tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình tố tụng, các đương sự thống nhất xác định không yêu cầu chia tài sản là nhà của cụ D chết để lại mà để làm nơi thờ cúng, chỉ yêu cầu chia theo di chúc. Xét thấy, căn nhà này là tài sản chung của các con cụ D gồm: Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Ngọc D nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chia một phần căn nhà cho bà T là đã xâm phạm đến tài sản (tài sản các bên không yêu cầu giải quyết).

[4] Xét, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, điều tra chưa đầy đủ, chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại cho đúng pháp luật.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa phù hợp.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị L.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị L không phải nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị L mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0046943 ngày 10/7/2020 và Biên lai thu tạm ứng án phí số 0046944 ngày 10/7/2020 (do bà Nguyễn Thị L nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP. T;
- TAND TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng